TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc.**
Số: **05**/2019/QĐST- KDTM	*Thanh Xuân, ngày 21 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2019/TLST- KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số XX, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn N, chứng minh thư nhân dân số 135054XXX do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 06.02.2014; Chức vụ – Cán bộ xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ- HĐQT ngày 02/3/2018 và Văn bản ủy quyền số: 2010/2019/UQ-VPB ngày 14/3/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V và Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng.

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần T.**

Địa chỉ: Số AA, ngõ XX, đường H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hải Đ; sinh năm 1976, Căn cước công dân: 030076002xxx do Cục Trưởng cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05 tháng 10 năm 2016;

HKTT: Tổ B, phường T, quận T, thành phố H và nơi cư trú: Số AC, ngõ A, phố V, phường T, quận T, thành phố H.

2. Sự thỏa thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nội dung:

2.1. Hai bên xác nhận có ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 264- C- 319139 ngày 19/10/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 101017-4012796-01-SME ngày 17/10/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/10/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

2.2. Hai bên xác nhận Công ty cổ phần T còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ chưa thanh toán tính đến ngày 13/6/2019 là 633.469.005 đồng, cụ thể: Nợ thẻ tín dụng là 35.790.368 đồng (nợ gốc 23.646.248 đồng và lãi chậm thanh toán 12.144.120 đồng) và nợ hợp đồng cho vay hạn mức là: 597.678.637 đồng (nợ gốc: 433.915.794 đồng và nợ lãi chậm thanh toán 163.762.843 đồng).

* Hai bên thống nhất việc thanh toán theo lộ trình trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 28/6/2019 thanh toán dư nợ gốc và lãi thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm số 264-C-319139 ngày 19/10/2017 là 35.790.368 đồng (trong đó nợ gốc 23.646.248 đồng và lãi chậm thanh toán 12.144.120đồng).

- Chậm nhất đến ngày 28/7/2019 thanh toán trả 200.000.000đồng.

- Chậm nhất đến ngày 28/8/2019 thanh toán trả 200.000.000đồng.

- Chậm nhất đến ngày 28/9/2019 thanh toán nốt số tiền nợ gốc và lãi còn lại theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 101017-4012796-01-SME ngày 17/10/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/10/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi của ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty T không thanh toán được số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Vthì buộc ông Nguyễn Hải Đ phải thanh toán trả nợ thay theo như hợp đồng bảo lãnh số 101017-4012796-01-SME/HĐBL ngày 17/10/2017 đã ký kết giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Hải Đ, bên nhận bảo lãnh Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty T và ông Nguyễn Hải Đ không thanh toán được hoặc vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào của khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Vcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành một lần khoản công nợ nêu trên theo như hợp đồng bảo lãnh số 101017- 4012796-01-SME/HĐBL ngày 17/10/2017 đã ký kết giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Hải Đbên nhận bảo lãnh Ngân hàng TMCP V.

Về án phí: Công ty cổ phần T chịu 14.669.000 đồng án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 13.415.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006003 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị An